

**CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM
ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM BÁO CÁO 2016**

KHÁNH HÒA, THÁNG 3/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc – Vĩnh Phương – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : 058. 6256699 Fax : 058. 6251235
Email : ctybtltdlkh@gmail.com Website : www.kpceco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Phụ lục số 04 theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
Năm báo cáo : 2016

.....

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
Giấy CN ĐKDN : 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008 (số cũ 3703000358), đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/5/2011.
Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
Vốn chủ sở hữu : 30.084.880.115 đồng
Trụ sở chính : Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc – Xã Vĩnh Phương - Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
Địa chỉ giao dịch : Tầng 5, tòa nhà VCN - KĐT Vĩnh Diễm Trung – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : 058. 6256699 Fax: 058. 6251235
Website : www.kpceco.com.vn
Mã cổ phiếu : KCE
Logo :



2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa với quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tháng 03/1994: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cải tạo Xưởng đúc trụ vuông thuộc Phân xưởng Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa, lắp đặt dây chuyên sản xuất Bê tông ly tâm;

- Tháng 12/1994: Khánh thành Xưởng đúc trụ Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (28E Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) – trực thuộc Đội Xây lắp điện;

- Tháng 05/1997: Xây dựng Xưởng sản xuất Bê tông ly tâm tại số 07 Phạm Phú Thứ, Bình Tân, Nha Trang, Khánh Hòa;

- Ngày 01/07/2005: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cổ phần hóa và thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và đến ngày 15/11/2005 xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa được thành lập dựa trên cơ sở nhân lực của Đội xây lắp điện và Xưởng sản xuất BTLT trực thuộc Xí nghiệp;

- Ngày 27/02/2008: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở vốn góp của các cổ đông: Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Cán bộ Công nhân viên hai Công ty;

- Ngay sau khi thành lập, Công ty đã tiến hành lập Dự án “Nhà máy Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa” được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp giấy phép xây dựng vào ngày 19/12/2008 và bắt đầu khởi công thực hiện Dự án tại Lô số C5,6,7,8 khu Công nghiệp Đặc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang vào tháng 12/2008;

- Đầu tháng 01/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiếp nhận toàn bộ nhân sự, thiết bị của Xưởng sản xuất BTLT – Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa chuyển qua;

- Cuối tháng 04/2009: Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa cơ bản được hoàn thành, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hạng mục di dời máy móc, thiết bị từ Xưởng sản xuất Bình Tân sang Nhà máy mới tại Đặc Lộc cũng được hoàn thành. Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động vào tháng 07/2009;

- Ngày 29/07/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiến hành làm Lễ khánh thành cho Nhà máy sản xuất Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa, đánh dấu hoàn thành một dự án lớn, xuyên suốt hoạt động của Công ty;

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2009 ngày 28/5/2009 Đại hội đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ Công ty từ 10 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

- Ngày 29/12/2009 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 1.

- Ngày 20/5/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 2 .

- Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch trên sàn UpCom theo quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/01/2011 và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch từ ngày 08/02/2011 với mã cổ phiếu là KCE.

- Tính đến nay Công ty vẫn hoạt động bình ổn, không có sự thay đổi nào. Dự kiến vào ngày 21/4/2017 tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017, .

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty :

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;

- Vận tải hàng hóa đường bộ;

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;

b. Địa bàn kinh doanh:

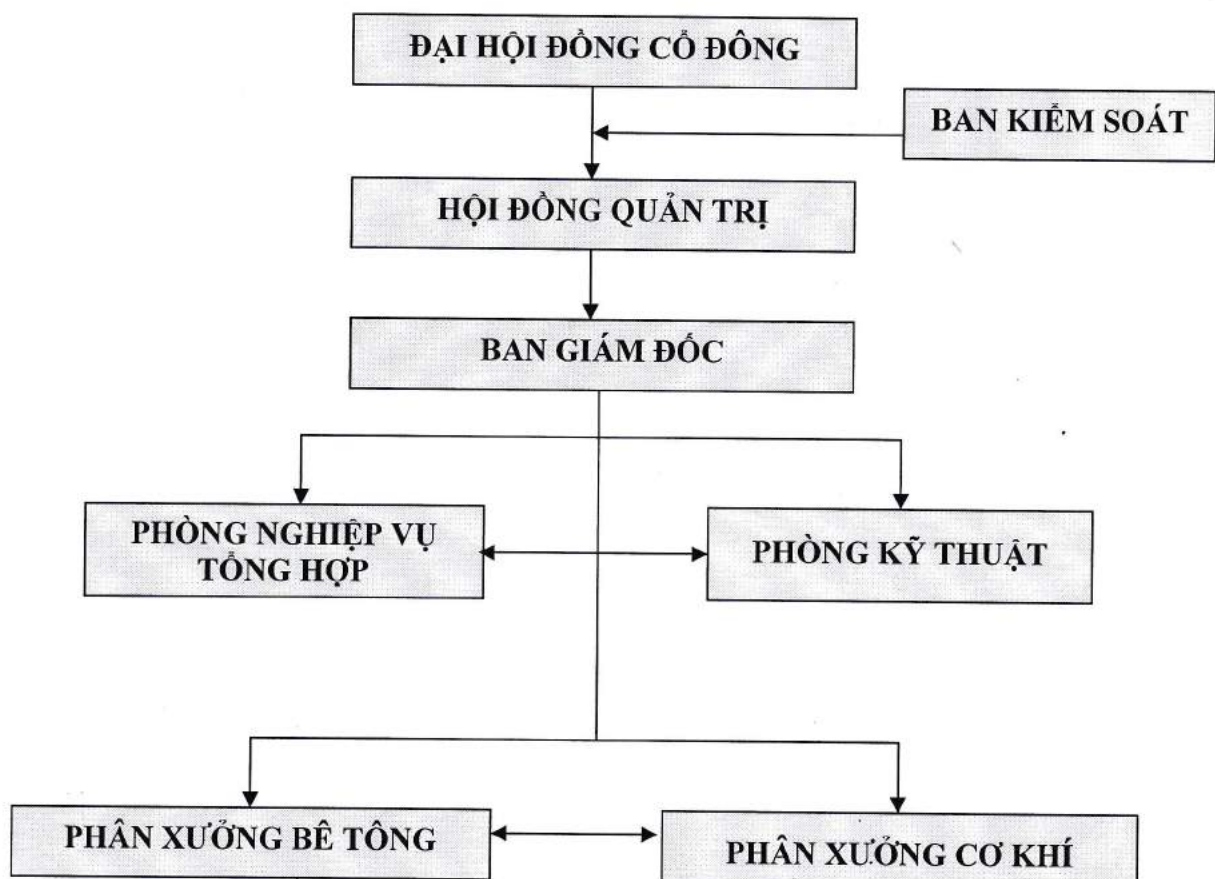
- Chủ yếu là cung cấp sản phẩm cho các công trình của TP. Nha Trang, TP. Cam Ranh và các huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Công ty có cung cấp sản phẩm cho một số tỉnh lân cận như:

- Tỉnh Ninh Thuận
- Tỉnh Bình Thuận
- Tỉnh ĐăkLăk
- Tỉnh Phú Yên.....

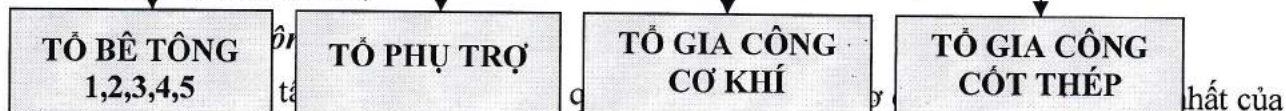
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Cơ cấu tổ chức của công ty

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

- Thông qua mức chi trả cổ tức, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, lựa chọn công ty kiểm toán;

- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

- Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

***Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau :

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, chào bán trái phiếu, cổ phiếu; bổ nhiệm, cách chức các cán bộ;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;

- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty ;

- Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh.

***Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

*** Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- Điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra, thi đua – khen thưởng;
- Chỉ đạo công tác lao động – tiền lương, tuyển dụng lao động;
- Chỉ đạo công tác tài chính – kế toán, kế hoạch vốn, theo dõi cổ đông;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh – đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật, kế hoạch vật tư;
- Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản, quy định, quy chế trong Công ty.

*** Các phòng ban trong Công ty**

Các phòng ban trong công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

a. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

- Thực hiện công tác kế toán – tài chính
- Thực hiện công tác Tổ chức – hành chính – văn thư, lao động – tiền lương;
- Thực hiện công tác kinh doanh, đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Thực hiện công tác thống kê – kế hoạch - vật tư;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến công tác nói trên.

b. Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, định mức vật tư – kỹ thuật;
- Phối hợp với Phân xưởng cơ khí thực hiện Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc;
- Thực hiện công tác kiểm soát, quản lý kỹ thuật sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện công tác an toàn – Bảo hộ lao động;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến các công tác trên.

c. Khối sản xuất

Khối sản xuất bao gồm hai phân xưởng: Phân xưởng bê tông và Phân xưởng cơ khí.

***Phân xưởng bê tông** gồm các tổ:

Tổ bê tông gồm:

+ Bộ phận tháo sản phẩm, chuẩn bị khuôn

- + Bộ phận đặt cốt thép, nạp bê tông, lắp khuôn.
- + Bộ phận chuẩn bị nguyên vật liệu, xi măng, cát, đá
- + Bộ phận vận hành thiết bị: dàn quay ly tâm, trạm trộn, máy căng thép.

Tổ phụ trợ gồm:

- + Bộ phận vận hành cầu trục, công trục
- + Bộ phận vận hành nồi hơi – công tác sấy sản phẩm
- + Bộ phận hoàn thiện sản phẩm, xử lý khuyết tật
- + Bộ phận sắp xếp bãi, bốc dỡ sản phẩm.

***Phân xưởng cơ khí gồm các tổ:**

Tổ cốt thép gồm:

- + Bộ phận sản xuất cốt thép cột điện
- + Bộ phận sản xuất cốt thép, cọc cừ
- + Bộ phận sản xuất cốt thép ống cống
- + Bộ phận sản xuất cốt thép cho các loại cấu kiện khác.
- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy cắt dự ứng lực, máy căng thép dự ứng lực.

Tổ gia công cơ khí, sửa chữa gồm:

- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy tiện, máy phay, các máy công cụ khác. Gia công các chi tiết cấu kiện cho sản xuất: mặt bích cọc cừ.... Chế tạo các chi tiết cấu kiện thay thế định kỳ: các mặt bích căng, tay trộn....
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị máy móc cơ khí, sửa chữa khuôn đúc.
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị điện.

5. Định hướng phát triển:

Mục tiêu của Công ty :

- Mục tiêu trước mắt : Năm 2017, Công ty tiếp tục giữ mục tiêu đầu tiên là giữ vững thị phần trong khu vực trước áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng có sản phẩm tương tự; Tổ chức tốt sản xuất để đạt tới năng suất thiết kế của nhà máy; Đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm; Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Mục tiêu lâu dài: Thực hiện tốt công tác Marketing, tiếp thu và áp dụng công nghệ mới, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm, tổ chức tốt công tác sản xuấtđể Công ty luôn khẳng định vị thế Doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, cung ứng sản phẩm bê tông ly tâm trong khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên. Đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất, chủng loại sản phẩm; mở rộng ngành nghề kinh doanh; Xây dựng Công ty phát triển bền vững.

- Chiến lược phát triển : Trong thời gian tới Công ty tận dụng và phát huy tối đa các lợi thế sẵn có trong kinh doanh của Công ty; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất; Tăng doanh thu những mặt hàng có tính chủ lực, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm. Tích cực quan hệ, hợp tác với các đối tác để nắm bắt, tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, từng bước đầu tư nghiên cứu chế tạo và ứng dụng sản phẩm mới trong lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng. Nghiên cứu, tiến tới tham gia hoạt động xây lắp và dịch vụ nhằm quảng bá sản phẩm, tạo uy tín cho Công ty, giảm rủi ro trong kinh doanh và hỗ trợ tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định cho sự thành công của Doanh nghiệp. Công ty sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như có điều kiện thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Công ty có kế hoạch cử cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của toàn Công ty.

Trong các cách để tạo ra năng lực cạnh tranh, Công ty xác định lợi thế thông qua con người được xem là yếu tố căn bản, trình độ công nghệ cao trong khu vực cùng mức độ đồng bộ của dây chuyền sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm cao, ổn định và chính sách kinh doanh tốt là yếu tố chính quyết định lợi thế cạnh tranh của Công ty trong khu vực Nam trung bộ và tây Nguyên. Kết hợp giữa chiến lược dẫn đạo chi phí và chiến lược cạnh tranh bằng sự khác biệt đối với từng nhóm sản phẩm, từng dự án, từng giai đoạn phát triển của Công ty.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro kinh tế

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam nói chung vẫn còn khó khăn do những tồn tại của những năm trước. Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa, với các sản phẩm gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng, mức độ đầu tư cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Hiện tại, năm 2016 các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng của tỉnh Khánh Hòa đang được triển khai và mở rộng của dự án các khu tái định cư, khu đô thị mới. Thực tế tăng trưởng lạc quan của nền kinh tế mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2016.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việt Nam là một nước đang phát triển. Do đó, Luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, chi phí nguyên vật liệu đầu vào là rất lớn. Bên cạnh đó, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thường xuyên có sự biến động gây ra những tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với đặc thù của ngành như vậy, nên Công ty rất quan tâm và cẩn trọng trong ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn để giảm thiểu những thiệt hại do biến động giá gây ra.

Với vai trò là nhà sản xuất sản phẩm bê tông phục vụ cho nhiều đơn vị xây lắp, thi công với các dự án có thời hạn kéo dài thì việc thu hồi nợ từ những hợp đồng xây dựng này phải mất rất nhiều thời gian, phần nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu cũng như dòng tiền hoạt động. Tuy nhiên, do không phải là nhà thầu chính nên Công ty có thể giảm thiểu được rủi ro này bằng cách cố gắng theo dõi sát sao và đốc thúc việc thu hồi công nợ đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác của Công ty.

Sự phát triển kinh tế luôn đi đôi với các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, dẫn đến việc tiêu thụ một lượng lớn các sản phẩm bê tông ly tâm. Điều này sẽ làm cho lĩnh vực sản xuất bê tông ly tâm trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, gây sức ép cạnh tranh đối với Công ty.

6.4. *Rủi ro khác*

Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất ...v...v... Ngoài ra, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến Công ty như các hiện tượng thiên tai (*hạn hán, bão lụt, động đất...*), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	45.000.000.000	80.649.725.197	179,22%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.800.000.000	7.613.910.738	271,93%
3	Mức chia cổ tức (<i>dự kiến</i>)	15 %	20 %	133,33%

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2016 cho thấy:

+ **Doanh thu thuần** thực hiện năm 2016 so với năm 2015 tăng 43,35% và **tăng 79,22% so với kế hoạch.**

+ **Lợi nhuận sau thuế** năm 2016 so với năm 2015 : cũng tăng 36,9% và **tăng 171,93% so với kế hoạch.**

* **Phân tích nguyên nhân kết quả sản xuất kinh doanh giảm :**

- Trong năm 2016, tình hình sản xuất kinh doanh chung của Công ty tương đối tốt và tăng so với năm 2015. *Do các nguyên nhân sau :*

+ Năm 2016: Công ty đã ký kết được một số các hợp đồng thi công công trình ép cọc lớn trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận và một số hợp đồng lớn cung cấp cọc, ống cống và trụ điện cho các công trình của tỉnh Khánh Hòa chủ yếu là công trình của các khu đô thị tại TP. Nha Trang và một số khu dân cư mới.

+ Vì vậy năm 2016 tình hình sản xuất kinh doanh tăng so với kế hoạch đặt ra và tăng cao so với năm 2015.

2. *Tổ chức và nhân sự :** *Danh sách ban điều hành Công ty:*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
01	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	01/10/2014
02	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	18/04/2013 20/4/2016
03	Lê Duy Cứu	Thành viên HĐQT	18/04/2013
II	BAN KIỂM SOÁT		
01	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng Ban kiểm soát	18/4/2013
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	18/4/2013
03	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS	18/4/2013

III BAN GIÁM ĐỐC			
01	Nguyễn Thanh Hải	Phó giám đốc	22/4/2016
02	Võ Trị	Kế toán trưởng	22/4/2016

* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

1. Ông : Nguyễn Quang Tiên – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN QUANG TIÊN**
- Số CMND : 220077736 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09/09/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/12/1961
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 12 Nguyễn Trường Tộ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0963.575579
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí động lực Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
 - + Kỹ sư chuyên ngành Điện kỹ thuật Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1984 – 1986 : CBKT-Tổ trưởng tổ sửa chữa máy – Phân xưởng cơ điện - Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1986 – 1994 : Phó Quản đốc phân xưởng tại Phân xưởng cơ điện-Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 1995 – năm 2005 : Đội trưởng Đội xây lắp điện;
 - + Năm 2006 –tháng 2/2013: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp công nghiệp điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 03/2013 – tháng 3/2017: Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
 - + Tháng 3/2017 đến nay : Trưởng ban QLDA – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban QLDA - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 480.190 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 15.190 cổ phần

+ Ủy quyền : 465.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa)

2. Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải – Thành viên HĐQT - Kiêm Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN PHƯỚC VĨNH KHẢI**
- Số CMND : 220014076 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/01/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/05/1959
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 34/2 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 6256699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Trung cấp chuyên ngành Kỹ thuật điện Trường Đào tạo Điện lực Khánh Hòa.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1977 – năm 1981 : Học viên Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh Khánh Hòa.
 - + Năm 1981 – năm 1994 : Tổ phó tổ gia công cơ khí PX.Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1995 – năm 2005 : Quản đốc PX.Bê tông ly tâm – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 2008 – nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 15.190 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 15.190 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

3. Ông Lê Duy Cửu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **LÊ DUY CỬU**
- Số CMND : 361590767 do Công an TP. Cần Thơ cấp ngày 31/07/2006

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/12/1976
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1184
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1999 – năm 2000: Nhân viên Công ty Mía Đường Cần Thơ;
 - + Năm 2001 – 08/2003 : Nhân viên Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
 - + 09/2003 – 10/2003 : Nhân viên Công ty Cổ Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2003 – năm 2005 : Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2005 – năm 2007 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
 - + Năm 2016 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang (Bỏ nhiệm từ ngày 01/01/2016)
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 420.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 30.000 cổ phần
 - + Ủy quyền : 390.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang)

4. Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH HẢI**
- Số CMND : 220253537 do Công an TP. HCM cấp ngày 06/05/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/07/1962
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 152/3 Hương Lộ Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 3.727.626
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Đại học chuyên ngành cơ khí nông nghiệp trường Đại học Nông nghiệp IV;
 - + Chứng chỉ đào tạo Anh văn TM BEC 1 trung tâm ngoại ngữ Hàn Thuyên;
 - + Chứng chỉ đào tạo Tin học lập trình Tin học SaMis
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1985 – năm 1992 : Nhân viên Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền Cam Ranh;
 - + Năm 1992 – năm 1995 : CBKT phân xưởng cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1996 – năm 2005 : CBKT –P.Quản đốc xưởng SX BTLT thuộc đội XL Điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : P.Quản đốc PX. BTLT – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2008 – năm 2009 : Quản đốc PX.BTLT - Xí nghiệp xây lắp Công Nghiệp - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ;
 - + Năm 2009 – nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 3.100 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 3.100 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

5. Ông Võ Trị - Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên : **VÕ TRỊ**
- Số CMND : 220094623 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/06/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/12/1962
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 34 Đường số 5, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 6256699

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Xây dựng Cơ bản Trường Đại học Tài chính TP. HCM.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1988 – năm 1991 : Kế toán viên tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí xăng dầu TP. Hồ Chí Minh;
 - + Năm 1991 – năm 1999 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp điện II – Xí nghiệp xây dựng;
 - + Năm 1999 – năm 2005 : Kế toán PX.BTLT – đội xây lắp điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : Phụ trách Kế toán Xí nghiệp xây lắp điện Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 2008 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 99.595 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 99.595 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

6. Ông : Nguyễn Thanh Gân Em – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN THANH GÂN EM
- Số CMND : 351098820 do Công an Tỉnh An Giang cấp ngày 17/03/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/01/1976
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1183
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM;
- Quá trình công tác:

- + Năm 1998 – năm 1999 : Nhân viên Kế toán Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
- + Năm 1999 – năm 2000 : Kế toán tổng hợp Công ty liên doanh TNHH Bê tông ly tâm Kiên An;
- + Năm 2001 – năm 2003 : Kế toán trưởng Công ty liên doanh TNHH Bê tông ly tâm Kiên An;
- + Năm 2003 – năm 2004 : Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
- + Năm 2004 – năm 2007 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
- + Năm 2008 – nay : Phó Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban kiểm soát KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 13.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 13.000 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

7. Bà Phan Thị Vân Hà – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **PHAN THỊ VÂN HÀ**
- Số CMND : 225117088 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28/11/2009
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/10/1979
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : số 10 khu tập thể Bình Khê, Phước Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 246 1047
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Trường Đại học Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 2001 – nay: Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực KH

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần.

8. Bà Phan Thị Thanh Lý – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : PHAN THỊ THANH LÝ
- Số CMND : 225252535 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/09/2012
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 20/01/1971
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 222 Lô 53 Lê Hồng Phong – Tp. Nha Trang ,Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0982.858.070
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Năm 1994 – tháng 10/2008 : Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

+ Tháng 10/2008 – 03/2012 : Phó giám đốc TT Viễn thông – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.

+ Tháng 03/2012 – nay : Phó trưởng phòng tài chính kế toán – Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

- Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Phó trưởng phòng tài chính kế toán – Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

+ Thành viên BKS – Công ty CP Đầu tư điện lực 3

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

*** Những thay đổi trong ban điều hành :không**

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2016 là 105 người, trong đó :

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo đối tượng lao động		
1	Lao động gián tiếp	17	16,19%
2	Lao động trực tiếp	88	83,81%
Tổng cộng		105	100%
II	Phân theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học	07	6,67%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	13	12,38%
3	Trình độ sơ cấp	04	3,8%
4	Công nhân có tay nghề	07	6,67%
5	Lao động phổ thông	74	70,48%
Tổng cộng		105	100%

Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:

+ Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ/ngày đối với bộ phận làm việc theo giờ hành chính hoặc 7 giờ/ca đối với bộ phận làm việc theo ca.

Hàng tuần CB - CNV được nghỉ 01 ngày trong tuần do trường đơn vị quy định. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty mà trường đơn vị có thể yêu cầu CB - CNV trong đơn vị mình làm việc vào ngày nghỉ trong tuần và được tính lương theo qui định của bộ luật lao động.

Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

+ Chế độ phúc lợi

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty cũng làm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đúng hạn cho các cơ quan bảo hiểm xã hội.

+ Chính sách đào tạo

Đa số công nhân lao động của Công ty thực hiện các công đoạn sản xuất từ dây chuyền thủ công chuyên sang thực hiện vận hành sản xuất trên dây chuyền cơ khí hóa công nghiệp. Vì vậy việc chuyển đổi, tiếp nhận và đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân là vấn đề được Công ty quan tâm hàng đầu.

Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như thường xuyên trau dồi chuyên môn của mình. Nâng cao các kỹ năng thao tác cho công nhân trực tiếp sản xuất; Kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị cho CBCNV thuộc các bộ phận trực tiếp đứng máy và kỹ năng, nghiệp vụ của CBCNV các bộ phận quản lý khác như kỹ thuật, vật tư, tài chính, tổ chức, kế hoạch sản xuất....

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch cử các cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
01	Hệ thống máy cung cấp nước lạnh cho trạm trộn bê tông	400.000.000	368.472.136	
02	Mua sắm khuôn các loại	1.150.000.000	352.381.724	
03	Mua sắm thiết bị khác PVSX	300.000.000		
	Máy phay trục đứng		36.000.000	
	Máy ép thủy lực		160.000.000	
	TỔNG CỘNG	1.850.000.000	916.853.860	49,6%

- Tình hình thực hiện đầu tư năm 2016 giảm so kế hoạch 50,4%. Do nhu cầu sản xuất phải đáp ứng tiến độ của khách hàng. Có một số hạng mục cần thực hiện thêm nhằm mở rộng nhà xưởng, khu vực của bộ phận của tổ cốt thép, và cần lắp đặt thêm dàn quay mới để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Một số hạng mục thực hiện cuối năm 2016 kéo dài sang năm 2017.

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính:

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
01	Tổng giá trị tài sản	40.054.465.924	42.878.016.648	107,05%
02	Doanh thu thuần	56.292.477.491	80.602.742.129	143,19%
03	Lợi nhuận từ hoạt động KD	7.271.435.536	9.597.026.868	131,98%
04	Lợi nhuận khác	-4.364.213	-694.572	
05	Lợi nhuận trước thuế	7.267.071.323	9.596.332.296	132,05%
06	Lợi nhuận sau thuế	5.561.398.374	7.613.910.738	136,91%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2015	NĂM 2016	GHI CHÚ
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,86	2,10	

2	Hệ số thanh toán nhanh (<i>TSLĐ – Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,07	1,60	
II Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn					
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,30	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,43	0,43	
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq</i>)		7	9	
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		1,41	1,88	
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	9,88	9,45	
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	19,81	25,31	
3	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%	13,88	17,76	
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,92	11,91	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần theo từng loại : 1.500.000 cổ phần, tất cả là cổ phần thường, không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại : 1.500.000CP là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổ chức	2	855.000	57,00%
1.1	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	1	465.000	31,00%
1.2	Công ty CP Bê tông ly tâm An giang	1	390.000	26,00%
2	Cá nhân	155	645.000	43,00%
2.1	Cổ đông là CBCNV trong Công ty	25	180.635	12,04%
2.2	Cổ đông là CBCNV Công ty CP BTLT An Giang	09	87.650	5,84%
2.3	Cổ đông là CBCNV Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	85	230.930	15,40%
2.4	Cổ đông ngoài Công ty	36	145.800	9,72%
	Tổng cộng(1+2)	157	1.500.000	100,00%

Hiện tại tất cả các cổ đông của Công ty đều thuộc cổ đông cá nhân và tổ chức trong nước.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : năm 2016 không có sự thay đổi nào

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : năm 2016 không có giao dịch nào.

e. Các chứng khoán khác : năm 2016 không có đợt phát hành nào.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2016: Doanh thu đạt 179,12% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 271,93% kế hoạch. Là một hiệu quả đáng khích lệ và động viên cho hoạt động năm 2016.

- Trong năm 2016, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung tương đối thuận lợi, Công ty đã ký kết được một loạt các hợp đồng thi công và cung cấp cọc cừ, ống cống của công trình các Khu đô thị và khu dân cư mới thuộc tỉnh Khánh Hòa.

2. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài sản :

Năm 2016 có thực hiện đầu tư một số hạng mục (chi tiết theo mục 3, II) để phục vụ cho việc sản xuất đạt hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu về tiến độ của khách hàng.

Về nợ phải thu xấu: tính đến 31/12/2016 còn 11 (mười một) đơn vị còn tồn đọng những năm trước, sau khi xem xét bảng phân tích tuổi nợ. Công ty quyết định trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi năm 2016 cụ thể như sau:

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ TẠI 31/12/2016	SỐ TIỀN TRÍCH DỰ PHÒNG
01	Công ty CP Xây dựng tổng hợp Nha Trang	280.687.273	56.137.454
02	Công ty TNHH TV & XD Hải Long	252.097.302	75.629.191
03	Công ty TNHH ĐT & X Tân Nam Giang	270.115.840	81.034.752
04	DNTN Quốc Tiến	200.695.890	60.208.767
05	Công ty CP Long Việt	9.712.560	2.913.768
06	Công ty CP X ĐT Phát triển Bạch Đằng 15	182.607.750	36.521.550
07	Công ty TNHH Dương Anh	111.492.348	22.298.470
08	Công ty CP Đầu tư & XD Hud 1	197.529.893	138.270.925
09	CN Công ty TNHH MTV XD VT Hùng Vương - XN 128	24.749.001	17.324.301
10	Công ty CP Tư vấn Quản lý XD CMC	28.741.232	14.370.616
11	Công ty CP Thi công cơ giới Xây lắp	222.951.565	111.475.783
	CỘNG	1.781.380.654	616.185.577

b. Tình hình nợ phải trả :

Năm 2016 tình hình tài chính và vốn lưu động của Công ty ổn định, vì vậy khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty không có vấn đề và biến động gì. Thực hiện nợ phải trả đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng cho nhà cung cấp.

NỢ PHẢI TRẢ		31/12/2016	01/01/2016
Nợ ngắn hạn		11,746,983,001	10,239,907,327
Phải trả người bán ngắn hạn		3,035,355,612	2,944,811,863
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5,756,871,151	4,265,313,256
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		590,306,253	499,478,031
Phải trả người lao động		2,029,038,966	406,980,096
Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
Phải trả ngắn hạn khác		107,772,311	25,888,643
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	1,814,996,730
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		227,638,708	282,438,708
Nợ dài hạn		1,046,153,532	1,743,589,220
Phải trả người bán dài hạn		-	-
Phải trả dài hạn khác		1,046,153,532	1,743,589,220
TỔNG CỘNG		12.793.136.533	11.983.496.547

c. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Để thực hiện tốt kế hoạch năm 2017 và trong tương lai Công ty cần phát huy nội lực, góp phần hạn chế các tác động tiêu cực của các yếu tố khách quan Công ty cần thực hiện các giải pháp:

- Tổ chức tốt công tác sản xuất, điều chỉnh và bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, đầu tư thêm máy móc để tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong từng giai đoạn.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

- Quan tâm giải quyết nâng cao đời sống, tiền lương, thu nhập NLD. Có chế độ khen thưởng hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty nhằm khuyến khích, động viên kịp thời đội ngũ CB CNV hoàn thành kế hoạch được giao.

- Bảo đảm an toàn lao động, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy trình vận hành sản xuất, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa tai nạn lao động và rủi ro kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong tình hình chung Công ty đã ổn định lại sau một thời gian khó khăn, HĐQT đã thường xuyên, sâu sát kiểm tra, bàn bạc, chỉ đạo Công ty giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và xây dựng Công ty.

Năm 2016, HĐQT Công ty cùng với sự nỗ lực của Ban giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý và sự góp sức của tập thể NLD Công ty đã tiếp tục tổ chức tương đối tốt công tác sản xuất kinh doanh sản phẩm BTLT trên cơ sở thiết bị, công cụ đã được đầu tư, duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chức trách nhiệm vụ

cũng như điều hành các công tác quản lý Công ty theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT Công ty ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám đốc và sự đoàn kết, cố gắng của tất cả CBCNV toàn Công ty trong năm qua đã cùng HĐQT hoàn thành tốt công tác xây dựng Nhà máy sản xuất, xây dựng Công ty và tổ chức khá tốt công tác sản xuất trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Năm 2017 Công ty tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của thị trường địa phương và khu vực.

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa một số dự án đang được triển khai như :

- + Dự án xây dựng khu nhà ở học viên tại Học Viện Hải quân Nha Trang.
- + Dự án mở các khu dân cư mới của TP. Nha Trang - Khánh Hòa
- + Các công trình xây dựng của các Khu đô thị mới
- + Các công trình cơ sở hạ tầng, giao thông trên địa bàn

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC – CN Nha Trang

1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán :

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: bảng CĐKT; Báo cáo KQHĐKD; Báo cáo LCTT; Bảng TMBCTC. (bảng chi tiết đính kèm)

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIAM ĐOC



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		24.633.472.076	19.050.470.878
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	13.634.295.840	7.338.781.123
1. Tiền		111		13.634.295.840	7.338.781.123
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		4.906.972.623	3.472.302.544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	7.963.904.140	5.720.064.757
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	526.075.000	721.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.4	77.316.114	170.451.210
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.5	(3.660.322.631)	(3.139.613.423)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		5.869.380.735	8.110.341.415
1. Hàng tồn kho		141	V.6	5.869.380.735	8.110.341.415
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		222.822.878	129.045.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	176.367.673	129.045.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.8	46.455.205	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.244.544.572	21.003.995.046
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		18.338.000	18.338.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.9	18.338.000	18.338.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		18.014.549.367	20.579.182.380
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	15.311.869.585	17.777.910.121
	<i>Nguyên giá</i>	222		40.227.716.836	39.310.862.976
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.915.847.251)	(21.532.952.855)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.702.679.782	2.801.272.259
	<i>Nguyên giá</i>	228		3.309.623.271	3.409.623.271
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(606.943.489)	(608.351.012)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		211.657.205	406.474.666
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	211.657.205	406.474.666
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.878.016.648	40.054.465.924

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		12.793.136.533	11.983.496.547
I. Nợ ngắn hạn	310		11.746.983.001	10.239.907.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.035.355.612	2.944.811.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.756.871.151	4.265.313.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	590.306.253	499.478.031
4. Phải trả người lao động	314		2.029.038.966	406.980.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	107.772.311	25.888.643
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	1.814.996.730
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	227.638.708	282.438.708
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.046.153.532	1.743.589.220
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	1.046.153.532	1.743.589.220
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.084.880.115	28.070.969.377
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	30.084.880.115	28.070.969.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.170.969.377	8.349.871.003
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.913.910.738	4.721.098.374
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	4.721.098.374
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.913.910.738	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.878.016.648	40.054.465.924

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu



Võ Trị
Kế toán trưởng



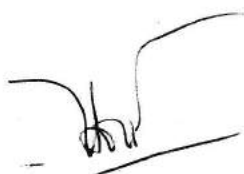
Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.649.725.197	56.292.477.491
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	46.983.068	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.602.742.129	56.292.477.491
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	62.364.463.212	41.888.094.227
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.238.278.917	14.404.383.264
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	51.500.935	61.917.151
7. Chi phí tài chính	22		40.585.344	55.078.161
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		40.585.344	21.913.161
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.655.541.389	4.652.262.124
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.996.626.251	2.487.524.594
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.597.026.868	7.271.435.536
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		694.572	4.364.213
13. Lợi nhuận khác	40		(694.572)	(4.364.213)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.596.332.296	7.267.071.323
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.982.421.558	1.705.672.949
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.613.910.738	5.561.398.374
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4.943	2.908

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Tuyết Loan
 Người lập biểu



Võ Trị
 Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.596.332.296	7.267.071.323
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	3.453.293.699	3.442.231.617
- Các khoản dự phòng	03	V.5	520.709.208	681.907.531
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.500.935)	(61.917.151)
- Chi phí lãi vay	06		40.585.344	55.078.161
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.559.419.612	11.384.371.481
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.955.379.287)	1.442.637.901
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.240.960.680	(4.502.620.497)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.828.279.708	612.902.916
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		211.896.758	388.170.529
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.585.344)	(66.133.161)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(2.257.719.755)	(1.628.517.760)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.154.800.000)	(1.172.825.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.432.072.372	6.457.986.409
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(873.061.860)	(2.910.293.314)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.500.935	61.917.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(821.560.925)	(2.848.376.163)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 03 – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	3.725.102.730
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.814.996.730)	(2.647.106.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.500.000.000)	(2.250.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(6.314.996.730)</i>	<i>(1.172.003.270)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.295.514.717	2.437.606.976
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.338.781.123	4.901.174.147
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		13.634.295.840	7.338.781.123

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu



Võ Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Quỹ lương

Quỹ lương được trích lập theo nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐQT- KCE của Hội đồng Quản trị Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa. Theo đó:

- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm bê tông ly tâm sản xuất là 170 đồng/1.000 đồng doanh thu sản phẩm bê tông (không bao gồm doanh thu vận chuyển, tăng 10 đồng so với đơn giá tiền lương năm 2015). Năm 2016, Công ty đạt lợi nhuận vượt kế hoạch nên hưởng đơn giá tiền lương là 180 đồng/1.000 đồng doanh thu sản phẩm bê tông.
- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm bê tông ly tâm kinh doanh là 30 đồng/1.000 đồng doanh thu sản phẩm bê tông.
- Đơn giá tiền lương đối với doanh thu vận chuyển thuê ngoài, hợp đồng thi công thuê ngoài là 10 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm gia công cơ khí và xây lắp, quỹ lương được trích theo tiền nhân công của quyết toán sản phẩm hoặc công trình.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	13.669.496	167.857.162
Tiền gửi ngân hàng	13.620.626.344	7.170.923.961
Cộng	<u>13.634.295.840</u>	<u>7.338.781.123</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>7.733.004.153</i>	<i>4.871.732.772</i>
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	619.136.760	619.136.760
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	909.052.664	-
Công ty TNHH SX - TM - XNK Đại Hưng Phát	1.535.121.603	-
Các đối tượng khác	4.669.693.126	4.252.596.012
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>230.899.987</i>	<i>848.331.985</i>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	230.899.987	848.331.985
Cộng	<u>7.963.904.140</u>	<u>5.720.064.757</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Công ty TNHH TM-DV-XD-Cơ khí Thiết bị nâng Anh Tuấn	506.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền Móng	-	453.200.000
Công ty TNHH MTV Nha Trang Thuận Toàn	-	250.600.000
Các đối tượng khác	20.075.000	17.600.000
Cộng	<u>526.075.000</u>	<u>721.400.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu thuế TNCN	13.061.414	-	36.767.942	-
Tạm ứng	63.550.000	-	131.850.000	-
Các khoản khác	704.700	-	1.833.268	-
Cộng	77.316.114	-	170.451.210	-

5. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	619.136.760	-	619.136.760	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng HUD 3	409.658.812	-	409.658.812	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02	553.178.470	-	553.178.470	-
Các khách hàng khác	2.443.314.866	364.966.277	2.145.700.860	588.061.479
Cộng	4.025.288.908	364.966.277	3.727.674.902	588.061.479

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.677.067.474	-	1.731.657.791	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.744.930	-	1.669.410.658	-
Thành phẩm	3.648.089.657	-	3.643.223.208	-
Hàng hóa	511.478.674	-	1.066.049.758	-
Cộng	5.869.380.735	-	8.110.341.415	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.043.907	1.475.005
Khác (Chi phí thuê VP + sửa chữa)	161.323.766	127.570.791
Cộng	<u>176.367.673</u>	<u>129.045.796</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	46.455.205	-
Cộng	<u>46.455.205</u>	<u>-</u>

9. Phải thu dài hạn khác

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký quỹ thuê Văn phòng	18.338.000	-	18.338.000	-
Cộng	<u>18.338.000</u>	<u>-</u>	<u>18.338.000</u>	<u>-</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2016	13.814.529.234	19.642.906.042	5.853.427.700	39.310.862.976
Mua trong năm	-	232.208.000	-	232.208.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	720.853.860	-	720.853.860
Giảm khác	-	(36.208.000)	-	(36.208.000)
Tại 31/12/2016	13.814.529.234	20.559.759.902	5.853.427.700	40.227.716.836
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2016	4.072.119.641	13.356.234.714	4.104.598.500	21.532.952.855
Khấu hao trong năm	618.264.804	2.112.379.634	654.890.126	3.385.534.564
Giảm khác	-	(2.640.168)	-	(2.640.168)
Tại 31/12/2016	4.690.384.445	15.465.974.180	4.759.488.626	24.915.847.251
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2016	9.742.409.593	6.286.671.328	1.748.829.200	17.777.910.121
Tại 31/12/2016	9.124.144.789	5.093.785.722	1.093.939.074	15.311.869.585

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.929.989.993 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, sáng chế	Cộng
Nguyên giá			
Tại 01/01/2016	3.179.623.271	230.000.000	3.409.623.271
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Tại 31/12/2016	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2016	413.351.024	194.999.988	608.351.012
Khấu hao trong năm	63.592.465	4.166.671	67.759.136
Giảm khác	-	(69.166.659)	(69.166.659)
Tại 31/12/2016	476.943.489	130.000.000	606.943.489
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2016	2.766.272.247	35.000.012	2.801.272.259
Tại 31/12/2016	2.702.679.782	-	2.702.679.782

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 130.000.000 đồng.

(*): Là Quyền sử dụng đất tại lô C5,C6,C7,C8 khu Công nghiệp vừa và nhỏ Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 387321 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009. Thời hạn thuê đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2058, diện tích 19.190,9 m².

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	114.914.700	205.774.190
Khác (Chi phí khác + sửa chữa)	96.742.505	200.700.476
Cộng	211.657.205	406.474.666

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Công Ty CP Đầu Tư & KD VLXD Fico	397.560.020	292.484.060
Công ty CP kỹ Thuật Nền Móng	337.126.200	-
Công ty CP XD - TM & DV Thăng Long	504.429.100	892.471.600
Công ty TNHH MTV Chánh Hằng	331.664.345	-
Các đối tượng khác	1.464.575.947	1.759.856.203
Cộng	<u>3.035.355.612</u>	<u>2.944.811.863</u>

Công ty không có số dư nợ với các bên liên quan và không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Cty CP Đầu Tư VCN	1.679.672.213	72.854.643
Công Ty TNHH Đầu Tư Nhà An Khánh	1.723.807.461	-
Công Ty CP Đầu Tư XD TM DV Nhất Tâm	1.300.000.000	-
Công Ty Xây Dựng Yên Lạc Vĩnh Phúc	-	800.625.663
Công Ty CP Đầu Tư và XD HUD 4	-	2.100.560.000
Các đối tượng khác	1.053.391.477	1.291.272.950
Cộng	<u>5.756.871.151</u>	<u>4.265.313.256</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau :

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phải nộp trong năm</u>	<u>Đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế Giá trị gia tăng	224.863.210	3.593.455.052	(3.330.641.827)	487.676.435
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	228.842.992	1.982.421.558	(2.257.719.755)	(46.455.205)
Thuế Thu nhập cá nhân	45.771.829	396.712.181	(339.854.192)	102.629.818
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>499.478.031</u>	<u>5.975.588.791</u>	<u>(5.931.215.774)</u>	<u>543.851.048</u>

(*) : Số cuối năm của khoản này trình bày tại Thuyết minh V.8

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.15 và thuyết minh VI.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
 Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	26.426.000	24.517.332
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	81.346.311	1.371.311
Cộng	107.772.311	25.888.643

(*): Chủ yếu là khoản phải trả tiền hoa hồng bán hàng.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP				
Đầu tư và Phát triển				
Việt Nam - CN	1.814.996.730	-	(1.814.996.730)	-
Khánh Hòa				
Cộng	1.814.996.730	-	(1.814.996.730)	-

Khoản vay theo Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.1/2015/2525898/HĐTD ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Khánh Hòa. Thời hạn vay là 04 tháng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2016	Năm 2015
Số dư tại ngày 01/01	282.438.708	255.263.708
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.100.000.000	1.200.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1.154.800.000)	(1.172.825.000)
Số dư tại ngày 31/12	227.638.708	282.438.708

19. Phải trả dài hạn khác

Là số tiền thu hồi về chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	15.000.000.000	4.926.554.937	318.448.147	5.714.567.919	25.959.571.003
Tăng trong năm trước	-	-	8.031.422.856	-	8.031.422.856
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	5.561.398.374	5.561.398.374
Giảm trong năm trước	-	(4.926.554.937)	-	(6.554.867.919)	(11.481.422.856)
Tại ngày 31/12/2015	15.000.000.000	-	8.349.871.003	4.721.098.374	28.070.969.377
Tại ngày 01/01/2016	15.000.000.000	-	8.349.871.003	4.721.098.374	28.070.969.377
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	7.613.910.738	7.613.910.738
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	821.098.374	(821.098.374)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	15.000.000.000	-	9.170.969.377	5.913.910.738	30.084.880.115

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
Cổ đông				
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	4.650.000.000	31%	4.650.000.000	31%
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang	3.900.000.000	26%	3.900.000.000	26%
Các cổ đông khác	6.450.000.000	43%	6.450.000.000	43%
Cộng	15.000.000.000	100%	15.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

c. Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra Công chúng	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

d. Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền 3.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 22/2016/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016. Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2016 cho các cổ đông với số tiền 1.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 19/10/2016 của Hội đồng quản trị Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.955.917.758	5.097.051.948
Doanh thu bán thành phẩm	45.832.638.644	51.093.045.655
Doanh thu nguyên vật liệu phụ	195.413.340	102.379.888
Doanh thu hoạt động xây lắp	30.665.755.455	-
Cộng	<u>80.649.725.197</u>	<u>56.292.477.491</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	5.783.481.807	6.216.637.340
Cộng	<u>5.783.481.807</u>	<u>6.216.637.340</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Giảm giá hàng bán	46.983.068	-
Cộng	<u>46.983.068</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.453.596.584	4.720.893.128
Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.174.227.975	37.116.657.279
Giá vốn nguyên vật liệu phụ	98.354.376	50.543.820
Giá vốn của hoạt động xây lắp	24.638.284.277	-
Cộng	<u>62.364.463.212</u>	<u>41.888.094.227</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	51.500.935	61.917.151
Cộng	<u>51.500.935</u>	<u>61.917.151</u>

5. Chi phí bán hàng

Chủ yếu là chi phí vận chuyển và hoa hồng bán hàng. Chi tiết theo khoản mục chi phí như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.042.886.561	3.831.635.517
Chi phí bằng tiền khác	2.612.654.828	820.626.607
Cộng	<u>5.655.541.389</u>	<u>4.652.262.124</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.296.993.219	874.245.988
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	37.363.258	27.803.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.488.732	58.488.732
Thuế, phí và lệ phí	40.931.028	116.000.237
Chi phí dự phòng	520.709.208	681.907.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.322.768	91.087.833
Chi phí khác bằng tiền	910.818.038	637.990.665
Cộng	<u>2.996.626.251</u>	<u>2.487.524.594</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.596.332.296	7.267.071.323
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	470.153.494	478.841.543
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	90.000.000	90.000.000
- Chi phí dự phòng không hợp lý	271.053.494	19.215.122
- Chi phí không hợp lý khác	109.100.000	369.626.421
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.066.485.790	7.745.912.866
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp tính theo thuế suất phổ thông	2.013.297.158	1.704.100.831
Điều chỉnh tăng chi phí dự phòng năm trước	(30.875.600)	
Điều chỉnh hoàn nhập dự phòng các năm trước	-	(9.522.993)
Điều chỉnh thuế TNDN sai sót các năm trước	-	11.095.111
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.982.421.558	1.705.672.949

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.613.910.738	5.561.398.374
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	(200.000.000)	(1.200.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.413.910.738	4.361.398.374
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.943	2.908

(*): Số năm trước đã được điều chỉnh so với Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán do trong năm 2016 Công ty trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông. Số quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập bổ sung là 900.000.000 đồng, làm Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ 3.508 đồng/Cổ phiếu xuống còn 2.908 đồng/Cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.971.740.889	24.553.368.260
Chi phí nhân công	13.867.108.070	9.726.386.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.453.293.699	3.442.231.617
Chi phí dự phòng	520.709.208	681.907.531
Chi phí sử dụng máy thi công	8.152.603.309	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.934.900.502	6.568.419.706
Các chi phí khác bằng tiền	5.732.803.675	2.617.852.853
Cộng	79.633.159.352	47.590.166.799

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 31%)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 26%)
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của người quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa		
Bán hàng	6.361.830.006	6.838.301.073
Thu tiền hàng	6.979.262.004	6.003.069.087
Mua hàng	51.268.000	-
Thanh toán tiền hàng	51.268.000	-
Trả cổ tức	1.395.000.000	697.500.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang		
Mua hàng	1.031.360.000	4.160.816.000
Thanh toán tiền hàng	1.031.360.000	4.500.386.000
Trả cổ tức	1.170.000.000	585.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô G5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

<u>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy chế	1.634.320.563	1.339.500.004

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu tiền bán hàng cho Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	230.899.987	848.331.985

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán	2.944.811.863	-	-	2.944.811.863
Các khoản phải trả khác	25.888.643	1.743.589.220	-	1.769.477.863
Vay và nợ thuê tài chính	1.814.996.730			1.814.996.730
	4.785.697.236	1.743.589.220	-	6.529.286.456
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán	3.035.355.612	-	-	3.035.355.612
Các khoản phải trả khác	107.772.311	1.046.153.532	-	1.153.925.843
	3.143.127.923	1.046.153.532	-	4.189.281.455

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2016		01/01/2016		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.634.296	-	7.338.781	-	13.634.296	7.338.781
Phải thu khách hàng	7.963.904	(3.660.323)	5.720.065	(3.139.613)	4.303.581	2.580.452
Phải thu khác	77.316	-	170.451	-	77.316	170.451
Cộng	21.675.516	(3.660.323)	13.229.297	(3.139.613)	18.015.193	10.089.684

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)		Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	Phải trả người bán	3.035.356	2.944.812	3.035.356
Các khoản phải trả khác	1.153.926	1.769.478	1.153.926	1.769.478
Vay và nợ thuê tài chính	-	1.814.997	-	1.814.997
Cộng	4.189.282	6.529.287	4.189.282	6.529.287

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-DN

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

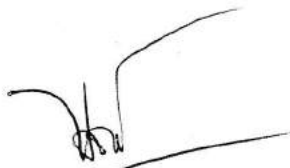
Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu



Võ Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc